



tóng bān

同班

noun · classmate (in the same class)

Example Sentences

Wǒ men tóng bān sān nián gǎn qíng hěn hǎo
我们同班三年，感情很好。

We were in the same class for three years and
have a good relationship.

tā shì wǒ dà xué shí de tóng bān hǎo yǒu
她是我大学时的同班好友。

She is my good friend from the same class in
college.

Trace each character, then write the word on your own.

同	同	同	同	同	同	同	同	同		
班	班	班	班	班	班	班	班	班	班	班
班	班									